TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 01/2022/DS-ST
Ngày: 27-01-2022.
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoài Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hạnh;

2. Bà Lương Thị Hồng Hạnh.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên toà:* Bà Thị Xà Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 27/01/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 118/2021/TLST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2021 về: "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ và hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2021/QĐXX-ST ngày 24 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2022/QĐST-DS ngày 10 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần (TMCP) K.

Địa chỉ: số 40-42-44 Phạm Hồng Th, phường V, thành phố R, tỉnh K.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Tuấn A - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Tuấn A là: Ông Trần Hoàng Gi - sinh năm 1981, Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch L. Người đại diện theo ủy quyền lại là: Ông Bùi Vũ L1 - sinh năm 1993, Chức vụ: Chuyên viên tín dụng Phòng giao dịch L - Ngân hàng TMCP K.

Địa chỉ: Số 44N, đường C, khu vực 2, phường Th, thị xã L, tỉnh H.

2. Bị đơn: Ông Mai Thanh T - sinh năm 1965 và bà Phạm Thị Ng - sinh năm 1965 (đều vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp 1, xã V, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị M - sinh năm 1936 (có đơn xin vắng mặt).
- Chị Mai Thùy D - sinh năm 1986 (vắng mặt).
- Chị Mai Anh Đ - sinh năm 1987 (vắng mặt).
- Chị Mai Xuân Đ2 - sinh năm 1991 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp 1, xã V, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần K và người đại diện theo ủy quyền lại ông Bùi Vũ Linh trình bày: Ông Mai Thanh T là cộng tác viên nhiều năm với Ngân hàng TMCP K - Phòng giao dịch L từ năm 2015. Hai bên kí kết với nhau hợp đồng dịch vụ là phía ông T sẽ cung ứng dịch vụ cho phía Ngân hàng và làm công tác viên cho Ngân hàng. Đồng thời, trong năm 2015 ông T có ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 108/2015/HĐTC-BĐS/0901-1865 ngày 12/3/2015 để bảo lãnh cho các khoản vay của người thứ 3 mà ông T tư vấn, thẩm định cho vay. Ông T thực hiện nghĩa vụ cộng tác viên của mình rất tốt từ năm 2015 đến tháng 7/2019. Tiếp đến ngày 01/8/2019 ông T kí với Ngân hàng hợp đồng dịch vụ số 740/HĐDV - 2019 về việc tư vấn sản phẩm và giới thiệu khách hàng. Do khách hàng mà ông T tư vấn bảo lãnh trả nợ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng nên Ngân hàng yêu cầu ông T cung cấp thông tin khách hàng là bên thứ 3 mà ông T tư vấn, thẩm định cho vay để tạo điều kiện cho Ngân hàng thu nợ. Tuy nhiên, ông T không có thiện chí hợp tác, không cung cấp thông tin cụ thể của bên vay thứ 3 và bỏ địa phương đi. Nay, hộ ông Mai Thanh T, bà Phạm Thị Ng còn nợ Ngân hàng tổng số tiền của hợp đồng dịch vụ số 740/HĐDV - 2019 ký ngày 01/8/2019 tính đến ngày 27/01/2022 là 1.169.667.409 đồng (trong đó: Nợ gốc 894.709.860đ, lãi trong hạn 62.689.313đ, lãi quá hạn 212.268.236đ) và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng của khách hàng là bên thứ 3 mà ông T làm cộng tác viên.

Ngoài ra, trước đó vào ngày 11/5/2017 ông T có mở thẻ tín dụng Quốc tế KIENLONGBANK số 0021/17/CN1/0901-01480 tại Ngân hàng với số tiền 50.000.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ thì ông T đã rút sử dụng 45.095.599 đồng. Hiện nay, ông T còn nợ Ngân hàng đối với khoảng vay này là 64.556.283 đồng, (trong đó: Nợ gốc 45.095.875đ, lãi trong hạn 11.466.599đ, lãi quá hạn là 6.712.155 đ, phí phạt vượt hạn mức còn lại 1.281.653đ) và lãi suất phát sinh cho đến khi thanh toán dứt nợ.

Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu hộ ông T, bà Ng thanh toán cho Ngân hàng số tiền vốn gốc và lãi tạm tính đến ngày 27/01/2022 là 1.234.223.692 đồng (trong đó: Hợp đồng dịch vụ số 740/HĐDV - 2019 ký ngày 01/8/2019 số tiền là 1.169.667.409 đồng, nợ gốc 894.709.860đ, lãi trong hạn 62.689.313đ, lãi quá hạn

212.268.236đ và hợp đồng tín dụng số 0021/17/CN1/0901-01480 ngày 11/5/2017 số tiền là 64.556.283 đồng, nợ gốc 45.095.875đ, lãi trong hạn 11.466.599đ, lãi quá hạn là 6.712.155 đ, phí phạt vượt hạn mức còn lại 1.281.653đ) và lãi phát sinh cho đến khi thanh toán dứt nợ của hai hợp đồng nêu trên.

Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K và sau khi bản án có hiệu lực pháp luật mà hộ ông T, bà Ng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đầy đủ số tiền còn nợ thì Ngân hàng TMCP K có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 108/2015/HĐTC-BĐS/0901-1865 ngày 12/3/2015 để thu hồi nợ.

Đối với bị đơn ông Mai Thanh T và bà Phạm Thị Ng là đồng bị đơn và chị Mai Thùy D, chị Mai Anh Đ, chị Mai Xuân Đ2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có mặt tại phiên tòa. Trong quá trình tiến hành tố tụng giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến nay ông Mai Thanh T, bà Phạm Thị Ng và chị Mai Thùy D, chị Mai Anh Đ, chị Mai Xuân Đ2 không có mặt ở địa phương, được chính quyền địa phương xác nhận ông Mai Thanh T, bà Phạm Thị Ng và chị Mai Thùy D, chị Mai Anh Đ, chị Mai Xuân Đ2 bỏ địa phương đi đâu không rõ địa chỉ, Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo qui định tại Điều 179, 180 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông Mai Thanh T, bà Phạm Thị Ng và chị Mai Thùy D, chị Mai Anh Đ, chị Mai Xuân Đ2 vẫn không có mặt nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của ông Mai Thanh T, bà Phạm Thị Ng và chị Mai Thùy D, chị Mai Anh Đ, chị Mai Xuân Đ2 trong vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M trình bày trong biên bản lấy lời khai ngày 18/10/2021 như sau: Tôi là mẹ ruột của T và sống chung với T, đến khoảng 12/2020 gia đình T đi thành phố làm nên tôi về nhà con gái Mai Thi Nh sống. Việc T làm ăn với Ngân hàng tôi không biết nhưng việc nó thế chấp đất vay tiền thì tôi có biết vì có họp gia đình. Nay Ngân hàng kiện thì vợ chồng T phải lo tiền trả nợ cho Ngân hàng nếu vợ chồng T không có tiền trả thì tôi cũng đồng ý để Ngân hàng phát mãi đất để thu hồi nợ. Hiên nay, vợ chồng T và con của nó ở đâu tôi không biết cũng không liên lạc được.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã tuân thủ các thủ tục về thụ lý vụ án, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết của Tòa án cũng như các thủ tục hòa giải, thủ tục tố tụng tại phiên tòa là đúng theo qui định. Đối với nguyên đơn chấp hành đúng quy định còn bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Mai Thùy D, chị Mai Anh Đ, chị Mai Xuân Đ2 vắng

mặt tại phiên tòa là không tuân thủ quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự cũng như tại phiên tòa hôm nay, đối chiếu với các quy định của pháp luật Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Mai Thanh T và bà Phạm Thị Ng phải trả cho Ngân hàng số tiền vốn gốc và lãi tính đến ngày 27/01/2022 là 1.234.223.692đ (một tỷ hai trăm ba mươi bốn triệu hai trăm hai mươi ba nghìn sáu trăm chín mươi hai đồng) (trong đó: Hợp đồng dịch vụ số 740/HĐDV - 2019 ký ngày 01/8/2019 số tiền là 1.169.667.409 đồng, nợ gốc 894.709.860đ, lãi trong hạn 62.689.313đ, lãi quá hạn 212.268.236đ và hợp đồng tín dụng số 021/17/CN1/0901-01480 ngày 11/5/2017 số tiền là 64.556.283 đồng, nợ gốc 45.095.875đ, lãi trong hạn 11.466.599đ, lãi quá hạn là 6.712.155 đ, phí phạt vượt hạn mức còn lại 1.281.653đ) và lãi phát sinh cho đến ngày thanh toán dứt nợ. Trường hợp, ông Mai Thanh T và bà Phạm Thị Ng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng đề nghị xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa Ngân hàng thương mại cổ phần K với ông Mai Thanh T và bà Phạm Thị Ng là tranh chấp về dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Ông Mai Thanh T và bà Phạm Thị Ng là đồng bị đơn và bà Nguyễn Thị M, chị Mai Thùy D, chị Mai Anh Đ, chị Mai Xuân Đ2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng Mai Thanh T và bà Phạm Thị Ng và chị Mai Thùy D, chị Mai Anh Đ, chị Mai Xuân Đ2 được tống đạt hợp lệ vắng mắt mặt không lý do còn bà Nguyễn Thị M có đơn xin vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử là phù hợp.

[2] Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần K là "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ và hợp đồng tính dụng" được quy định tại Điều 513, Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đối chiếu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy giao dịch giữa các đương sự là thỏa thuận về hợp đồng dịch vụ và vay tài sản. Do vậy, khi các bên xảy ra tranh chấp thì căn cứ vào các quy định về hợp đồng dịch vụ và hợp đồng tín dụng để giải quyết là phù hợp theo quy định của pháp luật.

Theo bảng kê tính lãi của Ngân hàng đến ngày xét xử là ngày 27/01/2022 thì ông T và bà Ng còn nợ tiền lãi là 294.418.233 đồng. Việc tính lãi của Ngân hàng là đúng thỏa thuận trong hợp đồng dịch vụ và hợp đồng tính dụng là phù hợp với qui định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, buộc ông T, bà Ng phải trả cho Ngân hàng tổng vốn gốc và lãi tính đến ngày xét xử ngày 27/01/2022 là 1.234.223.692đ (một tỷ hai trăm ba mươi bốn triệu hai trăm hai mươi ba nghìn sáu trăm chín mươi hai đồng).

[3] Xét về hợp đồng dịch vụ số 740/HĐDV - 2019 về việc tư vấn sản phẩm và giới thiệu khách hàng ngày 01/8/2019 thì ông T đã tư vấn và cho bên thứ 3 vay đúng theo thỏa thuận nhưng trong quá trình thực hiện hợp đồng ông T đã vi phạm nghĩa vụ về việc thu hồi nợ bên thứ 3, không hợp tác với Ngân hàng là cung cấp thông tin bên thứ 3 để Ngân hàng thu hồi nợ mà bỏ địa phương đi. Đối với hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế KIENLONGBANK số 0021/17/CN1/0901-01480 ký ngày 11/5/2017 thì ông T rút tiền để sử dụng nhưng không thanh toán cho Ngân hàng. Từ đó, cho thấy hợp đồng giữa các bên đã ký kết có quy định rõ trách nhiệm và nghĩa vụ của các bên và cũng thể hiện về lãi suất, thời hạn vay, phương thức thanh toán nợ gốc và lãi. Những quy định trong hợp đồng không trái với quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật Tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 1 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 14/4/2016 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận. Tuy nhiên, trong thời gian thực hiện hợp đồng ông T không thực hiện đúng cam kết nên hợp đồng dịch vụ và hợp đồng tính dụng cho đến nay bên cung ứng dịch vụ và vay là ông T đã vi phạm về thời hạn trả nợ nên căn cứ vào Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015, buộc ông Mai Thanh T và bà Nguyễn Thị Nguyệt phải trả khoản nợ vay và lãi phát sinh cho Ngân hàng là phù hợp.

[4] Đối với hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 108/2015/HĐTC-BĐS/0901-1865 ngày 12/3/2015 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần K với ông Mai Thanh T có nêu rõ các điều khoản thi hành và được công chứng chứng thực đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là 01 giấy CNQSD đất số Đ 482198, tờ bản đồ số 08, thửa số 395, 522 và 525, tổng diện tích là 15.566m^2, do UBND huyện Gò Quao cấp ngày 02/11/2004, tọa lạc tại ấp 1 và ấp 2, xã V, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang do hộ ông T đứng tên trên giấy. Đồng thời, hợp đồng thế chấp nêu trên chỉ có ông T giao dịch với Ngân hàng nhưng trong quá trình thực hiện hợp đồng có họp gia đình của ông T, điều này thể hiện rõ qua lời trình bày của bà M là mẹ ruột ông T.Vì vậy, Ngân hàng thương mại cổ phần K yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo việc thu hồi nợ

là có căn cứ và đúng theo quy tại khoản 7 Điều 323 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng. Đối với yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần K yêu cầu ông T, bà Ng tiếp tục chịu lãi phát sinh theo thỏa thuận của hợp đồng dịch vụ và hợp đồng tín dụng đã ký kết là phù hợp với nội dung Án lệ số 08/2016Al của Tòa án nhân dân tối cao nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Đối với ông Mai Thanh T và bà Phạm Thị Ng là bị đơn và chị Mai Thùy D, chị Mai Anh Đ, chị Mai Xuân Đ2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Tuy nhiên, khi ông Mai Thanh T và bà Phạm Thị Ng thực hiện giao dịch với Ngân hàng ông, bà có địa chỉ rõ ràng, đó cũng là nơi ông, bà cư trú. Hiện nay, ông Mai Thanh T và bà Phạm Thị Ng vẫn còn hộ khẩu thường trú ở địa chỉ trên nên theo quy định tại Điều 5 và Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao và điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án thụ lý giải quyết vụ kiện là đúng pháp luật. Tòa án đã thực hiện các thủ tục niêm yết và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 179 và Điều 180 của Bộ luật tố tụng Dân sự nhưng ông T, bà Ng và các con của ông bà không có mặt tại Tòa án để làm các văn bản gửi cho Tòa án nên không có căn cứ để xem xét ý kiến của ông, bà và các con. Từ đó, cho thấy ông Mai Thanh T, bà Phạm Thị Ng, chị Mai Thùy D, chị Mai Anh Đ và chị Mai Xuân Đ2 đã biết được nội dung yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Do đó, HĐXX thống nhất xét xử vắng mặt ông Mai Thanh T, bà Phạm Thị Ng, chị Mai Thùy D, chị Mai Anh Đ và chị Mai Xuân Đ2 theo qui định của pháp luật.

[6] Đới với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị M thì HĐXX thấy rằng: Bà xác định việc ông T làm ăn với Ngân hàng như thế nào bà không biết nhưng bà biết được việc ông T có thế chấp giấy CNQSD đất để vay tiền thì bà có biết vì có họp gia đình. Bà có ý kiến là Ngân hàng đã khởi kiện thì vợ chồng ông T phải lo tiền trả nợ cho Ngân hàng nếu vợ chồng ông T không có tiền trả thì bà cũng đồng ý để Ngân hàng phát mãi đất để thu hồi nợ. Do đó, lời trình bày của bà Mười là phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên HĐXX chấp nhận.

[7] Tại phiên tòa sau khi nghe lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần K, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và đại diện Viện kiểm sát có quan điểm chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông Mai Thanh T và bà Phạm Thị Ng phải trả số tiền nợ gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng dịch vụ và hợp đồng tín dụng.Trường hợp ông Mai Thanh T và bà Phạm Thị Ng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì đề nghị xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của Ngân hàng nên xét đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do đó, buộc ông Mai Thanh T và bà Phạm Thị Ng phải trả cho Ngân hàng tổng vốn gốc và lãi tính đến ngày xét xử ngày 27/01/2022 là 1.234.223.692đ (một tỷ hai trăm ba mươi bốn triệu hai trăm hai mươi ba nghìn sáu trăm chín mươi hai đồng).

[8] Về án phí DSST có giá ngạch: Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên hoàn trả lại tiền tạm ứng phí mà Ngân hàng TMCP K đã nộp là 21.700.000đ (hai mươi mốt triệu bảy trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0006520 ngày 13/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Ông Mai Thanh T và bà Phạm Thị Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là: 1.234.223.692 đồng, trong đó giá ngạch của 800.000.000 đồng là 36.000.000 đồng + với phần vượt quá của 800.000.000 đồng là (434.223.692đ x 3%) = 49.026.710,76 đồng làm tròn 49.027.000đ (bốn mươi chín triệu không trăm hai mươi bảy nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 11, 323, 463, 466, 468, 513 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K đối với ông Mai Thanh T và bà Phạm Thị Ng.

Buộc ông Mai Thanh T và bà Phạm Thị Ng phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần K số tiền là 1.234.223.692đ (một tỷ hai trăm ba mươi bốn triệu hai trăm hai mươi ba nghìn sáu trăm chín mươi hai đồng) (trong đó: Hợp đồng dịch vụ số 740/HĐDV - 2019 ký ngày 01/8/2019 số tiền là 1.169.667.409 đồng, nợ gốc 894.709.860đ, lãi trong hạn 62.689.313đ, lãi quá hạn 212.268.236đ và hợp đồng tín dụng số 0021/17/CN1/0901-01480 ngày 11/5/2017 số tiền là 64.556.283 đồng, nợ gốc 45.095.875đ, lãi trong hạn 11.466.599đ, lãi quá hạn là 6.712.155 đ, phí phạt vượt hạn mức còn lại 1.281.653đ).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Mai Thanh T và bà Phạm Thị Ng còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng dịch vụ số 740/HĐDV - 2019 về việc tư vấn sản phẩm và giới thiệu khách hàng ngày 01/8/2019 và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế KINLONGBANK số 0021/17/CN1/0901-01480 ký ngày 11/5/2017 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng dịch vụ số 740/HĐDV - 2019 về việc tư vấn sản phẩm và giới thiệu khách hàng ngày 01/8/2019 và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế KINLONGBANK số 0021/17/CN1/0901-01480 ký ngày 11/5/2017, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông Mai Thanh T và bà Nguyễn Thị Nguyệt phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông Mai Thanh T và bà Nguyễn Thị Nguyệt không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần K thì Ngân hàng thương mại cổ phần K có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xử lý tài sản thế chấp là đất và quyền sử dụng đất theo 01 giấy CNQSD đất số Đ 482198, tờ bản đồ số 08, thửa số 395, 522 và 225, tổng diện tích là 15.566m^2, do UBND huyện Gò Quao cấp ngày 02/11/2004, tọa lạc tại ấp 1 và ấp 2, xã V, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang do ông T đứng tên trên giấy để thu hồi nợ.

Khi ông Mai Thanh T và bà Nguyễn Thị Nguyệt trả hết số nợ đã vay và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho Ngân hàng thương mại cổ phần K thì Ngân hàng thương mại cổ phần K có nghĩa vụ trả lại 01 giấy CNQSD đất số Đ 482198, tờ bản đồ số 08, thửa số 395, 522 và 525, tổng diện tích là 15.566m^2, do UBND huyện Gò Quao cấp ngày 02/11/2004, tọa lạc tại ấp 1 và ấp 2, xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang cho ông Mai Thanh T và bà Nguyễn Thị Nguyệt.

2. Án phí DSST là: 49.027.000đ (bốn mươi chín triệu không trăm hai mươi bảy nghìn đồng), buộc ông Mai Thanh T và bà Phạm Thị Ng phải nộp.

Ngân hàng TMCP K được nhận lại số tiền là 21.700.000đ (hai mươi mốt triệu bảy trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0006520 ngày 13/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự

và Điều 7, Điều 7a, Điều 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án là ngày 27/01/2022.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Gò Quao;
- Chi cục THADS huyện Gò Quao;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Hoài Thanh